

# **THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

## **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TÂY NINH**

### **6 tháng đầu năm 2020**

---

#### **BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC**

6 tháng đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát, lan rộng đến hầu hết các nước trên thế giới và diễn biến hết sức phức tạp, không những lây lan làm hàng triệu người mắc, gây tử vong hàng trăm ngàn người, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn cầu. Cùng với giá dầu thô liên tục giảm mạnh, chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc, căng thẳng địa chính trị gia tăng giữa các nước lớn, cùng với biến đổi khí hậu đã tác động tiêu cực đến kinh tế của các quốc gia trên thế giới.

Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2020 giảm 5,2%, suy thoái lớn nhất trong gần 80 năm qua. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2020 giảm 4,9%, điều chỉnh giảm 1,9 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 4 năm 2020... Suy giảm tăng trưởng kinh tế thế giới trên diện rộng sẽ làm dòng chảy thương mại quốc tế và hoạt động sản xuất toàn cầu sẽ giảm mạnh, tác động tiêu cực đến sản xuất cũng như hoạt động giao thương xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp.

Trong nước dịch Covid-19, tuy đã được khống chế, nhưng nguy cơ bùng phát vẫn ở mức cao, tác động xấu đến các hoạt động kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân. Trên địa bàn tỉnh sau một thời gian “*giãn cách xã hội*” các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục. Thực hiện hiện chỉ thị 11/CT-TTg ngày 04/3/2020, của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, UBND tỉnh đã chỉ đạo điều hành nhiều giải pháp quyết liệt tháo gỡ khó khăn vướng mắc, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách hành chính...

Kinh tế của tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 đã đạt được một số kết quả như sau:

#### **1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)**

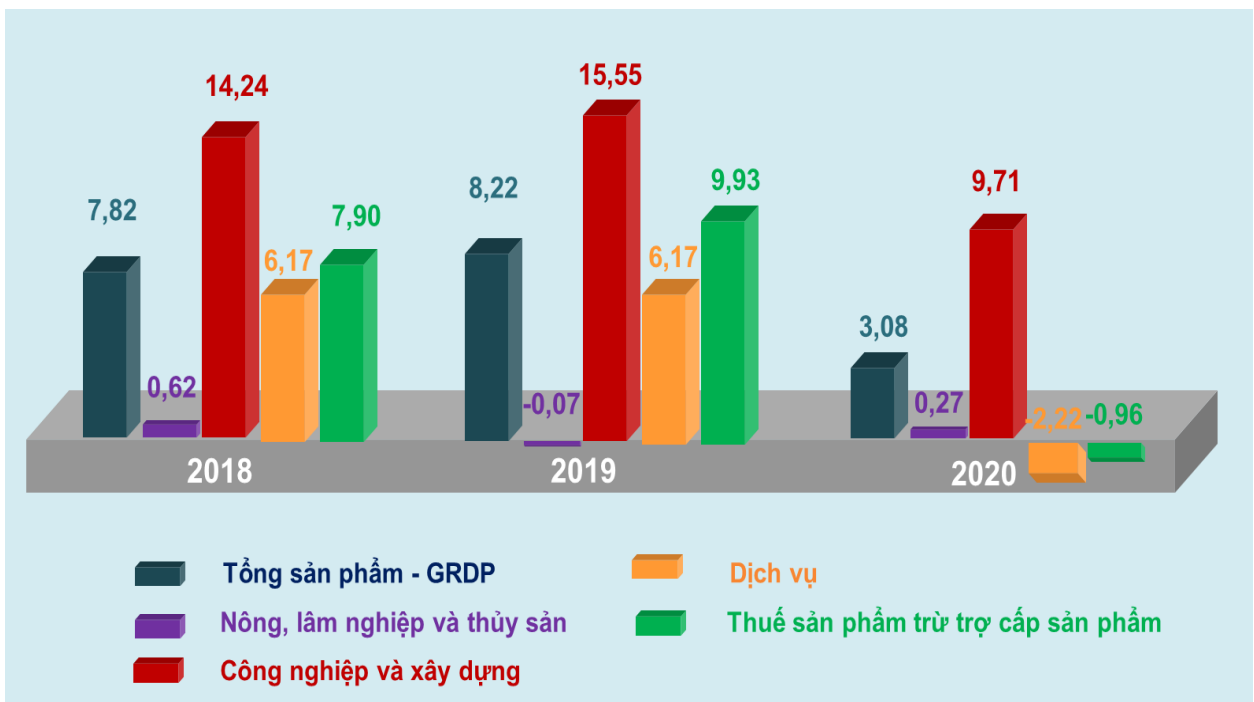
Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (**GRDP**) 6 tháng đầu năm 2020 tăng 3,08% so cùng kỳ, đây là nhịp độ tăng thấp nhất trong các năm gần đây. Trong đó, tăng phần lớn nhờ vào khu vực công nghiệp - xây dựng (+9,71%); còn các khu vực kinh tế khác tăng trưởng thấp hoặc giảm như: khu vực nông lâm nghiệp và

thuỷ sản tăng 0,27%; khu vực dịch vụ giảm (-2,22%) và phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm cũng giảm (-0,96%) so cùng kỳ năm trước.

Đóng góp vào tăng trưởng chung (+3,08 %) nền kinh tế của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2020, chủ yếu từ khu vực công nghiệp và xây dựng với mức đóng góp (+3,79) điểm %; kế đến là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp (+0,06) điểm %, còn khu vực dịch vụ đã kéo giảm (-0,72) điểm %; Ngoài ra, phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm cũng kéo giảm (-0,05) điểm %.

Về cơ cấu kinh tế của tỉnh 6 tháng đầu năm, xu hướng chuyển dịch tiếp tục theo hướng tích cực, cơ cấu khu vực công nghiệp-xây dựng ngày càng tăng và chiếm tỷ trọng trong GRDP cao nhất (44,14%), kế đến là khu vực dịch vụ (30,26%), ngành nông-lâm nghiệp-thủy sản ngày càng giảm và chiếm tỷ trọng thấp nhất(20,76%), phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm (4,84%).

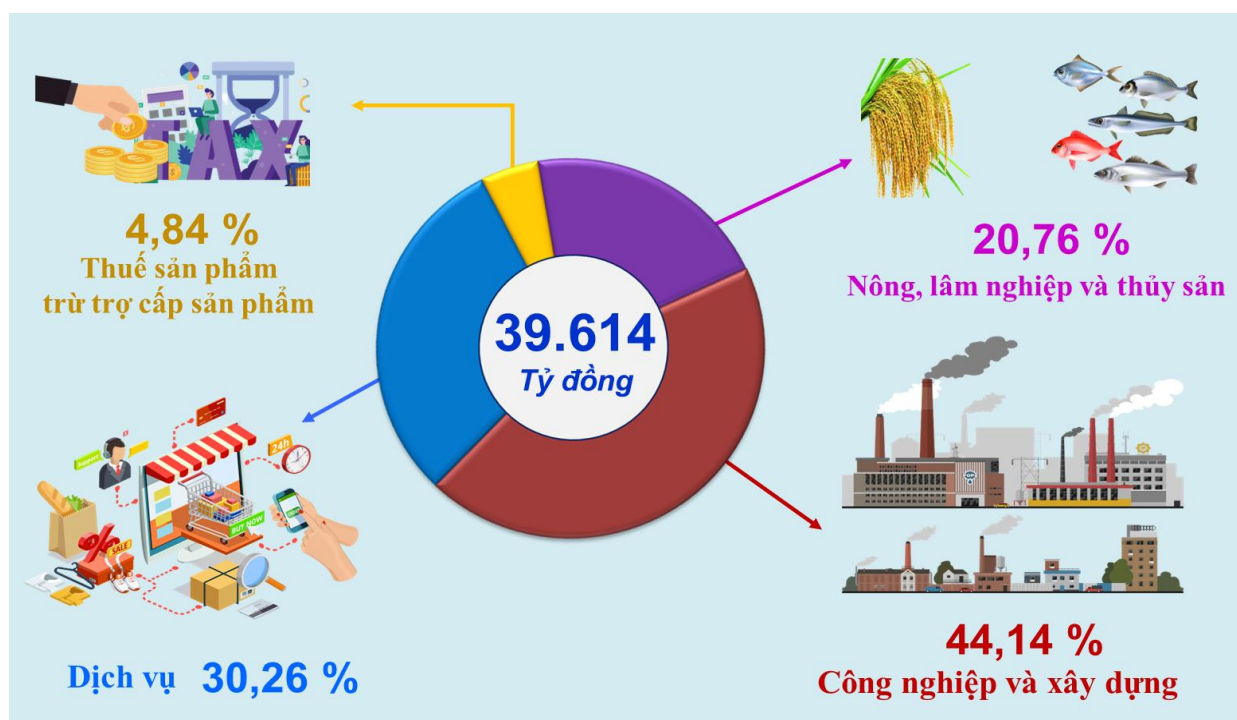
**Hình1:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm giai đoạn 2018-2020 (so với cùng kỳ năm trước - %)



## Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2020

	Tổng sản phẩm theo giá hiện hành		Tổng sản phẩm theo giá so sánh 2010	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tốc độ Tăng (%)	Đóng góp của từng khu vực (điểm %)
<b>Tổng số</b>	<b>39.614</b>	<b>100,00</b>	<b>3,08</b>	<b>3,08</b>
Nông, lâm nghiệp và thủy sản:	8.225	20,76	0,27	0,06
Công nghiệp và xây dựng:	17.483	44,14	9,71	3,79
<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>15.213</i>	<i>38,40</i>	<i>10,39</i>	<i>3,37</i>
Dịch vụ:	11.989	30,27	-2,22	-0,72
Thuế sản phẩm, trừ trợ cấp sản phẩm:	1.916	4,84	-0,96	-0,05

**Hình 2:** Quy mô cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2020  
(so với cùng kỳ năm trước - %)



Kết quả hoạt động một số lĩnh vực chủ yếu cụ thể như sau:

### 2. Sản xuất nông nghiệp

Tình hình sản xuất vụ đông xuân trên địa bàn tỉnh, 6 tháng đầu năm chịu nhiều tác động bất lợi do ảnh hưởng thời tiết, nắng nóng gay gắt, nhiệt độ luôn ở cấp cao, cấp cực kỳ nguy hiểm, mưa không theo quy luật; tình hình sâu bệnh tác

hại cây trồng vẫn tiếp diễn, nhất là dịch khảm lá mì chưa có thuốc đặc trị, ngoài ra giá cả, thị trường tiêu thụ nhiều cây trồng vẫn còn khó khăn.

Bên cạnh đó, nông nghiệp Tây Ninh đang trong quá trình chuyển đổi cây trồng, quy hoạch phát triển các loại cây lâu năm theo hướng công nghệ cao từ diện tích các cây hàng năm, cũng là nguyên nhân dẫn đến diện tích gieo trồng vụ Đông xuân 2019-2020 giảm so với cùng kỳ, cụ thể như sau:

#### ***a) Sản xuất vụ Đông xuân 2019-2020***

Toàn tỉnh gieo trồng vụ đông xuân được 89.178 ha, giảm 5,22% (-4.916,35 ha) so cùng kỳ. Nguyên nhân giảm do một số diện tích trồng cây hàng năm được quy hoạch chuyển sang trồng cây lâu năm, một số diện tích đất quy hoạch dự án điện mặt trời, hoặc mở rộng khu công nghiệp thuộc huyện Dương Minh Châu, Trảng Bàng. Do vậy mà giảm nhiều ở các huyện: Châu Thành (-1.534,62 ha), Bến Cầu (-902,93 ha), Dương Minh Châu (-1.060,61 ha), Trảng Bàng (-702,5 ha). Các cây trồng chính trong vụ chủ yếu là cây mì, cây lúa, cây mía chiếm 77,10% tổng diện tích gieo trồng trong vụ. Cơ cấu diện tích cây trồng trong vụ chuyển dịch theo hướng tăng ở cây lúa; nhóm cây rau, đậu các loại và hoa; cây lấy củ có chất bột nhưng lại giảm ở cây thuốc lá, cây ngô và cây mía.

#### ***Năng suất- sản lượng một số cây trồng chính, như sau***

*Cây lúa*, do dịch bệnh Covid-19 nhu cầu tích trữ lúa, gạo tăng khiến giá lúa tăng cao nên người dân tăng cường chăm sóc; thời tiết khô ráo thuận lợi cho việc thu hoạch nên năng suất sơ bộ đạt 58,52 tạ/ha, so với cùng kỳ tăng 0,70% (+0,40 tạ/ha), với sản lượng lúa thu hoạch được trong vụ sơ bộ đạt 269.902,78 tấn, giảm 3,98% (-11.192,01 tấn) so cùng kỳ, chủ yếu do giảm diện tích gieo trồng.

*Cây ngô*, thời tiết năm nay tương đối thuận lợi, cùng với giá ngô tăng nên người dân đầu tư chăm sóc tốt dẫn đến năng suất thu hoạch sơ bộ đạt 60,45 tạ/ha, so với cùng kỳ tăng 1,22% (+0,73 tạ/ha). Sản lượng ngô thu hoạch trong vụ sơ bộ đạt 15.093 tấn, giảm 6,01% (-964,95 tấn) so cùng kỳ, cũng do giảm diện tích.

*Cây đậu phộng* năng suất sơ bộ đạt 38,59 tạ/ha tăng 1,02% (+0,39 tạ/ha) so cùng kỳ. Giá đậu phộng năm nay cũng tăng so với cùng kỳ nên được đầu tư chăm sóc tốt hơn dẫn đến năng suất thu hoạch của cây đậu phộng tăng. Sản lượng đậu phộng thu hoạch trong vụ sơ bộ đạt 10.673,22 tấn giảm 21,87% (-2.986,91 tấn) so cùng kỳ, cũng do giảm diện tích là chính.

*Cây rau các loại* năng suất rau các loại thu hoạch trong vụ sơ bộ đạt 183,50 tạ/ha, so với cùng kỳ tăng 1,02% (+1,85 tạ/ha). Do tác động của yếu tố giá, thời tiết đã làm tăng diện tích trồng các loại cây rau có năng suất cao, nên năng suất chung của rau các loại tăng. Sản lượng thu hoạch trong vụ sơ bộ đạt 148.965,94 tấn, so với cùng kỳ tăng 3,69% (+5.307,21 tấn).

*Tình hình thu hoạch các cây trồng từ vụ trước:* Về cây mì, giá cả tương đối ổn định, người dân tăng cường chăm sóc do đó năng suất bình quân cũng khá hơn cùng kỳ, sơ bộ đạt 324,22 tạ/ha, tăng 1,48% (+4,72 tạ/ha) so cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch mì sơ bộ thực hiện 508.234 tấn, tăng 8,75% (+40.872,88 tấn). Về cây mía năng suất mía sơ bộ đạt 755,44 tạ/ha, giảm 0,36% (-2,76 tạ/ha) so cùng kỳ. Do diện tích và năng suất đều giảm nên sản lượng sơ bộ đạt 526.007,13 tấn, so cùng kỳ năm trước giảm 35,31% (-287.154,34 tấn).

***b) Tình hình sản xuất các cây lâu năm:***

Trong 6 tháng đầu năm 2020, tình hình sản xuất cây lâu năm trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định, đặc biệt nhóm cây ăn quả diện tích gieo trồng tăng trưởng nhanh. Việc chuyển đổi cây trồng diễn ra thường xuyên, cơ cấu cây trồng chuyển biến tích cực. Giá cả một số sản phẩm cây ăn quả và các loại cây thuộc nhóm cây lấy quả chứa dầu, cây công nghiệp chế biến có xu hướng tăng, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (dịch Covid-19) ảnh hưởng đến giá cả và việc tiêu thụ một số sản phẩm cây ăn quả, giá một số sản phẩm giảm mạnh, có sản phẩm tiêu thụ chậm, giá cao su vẫn tiếp tục giảm ảnh hưởng không nhỏ về thu nhập cũng như kế hoạch đầu tư của người sản xuất. Hiện trên địa bàn tỉnh đã có Nhà máy chế biến rau, củ quả xuất khẩu nhưng chưa tác động nhiều đến việc phát triển cây trồng nói chung và cây lâu năm nói riêng, mức độ đầu tư vùng nguyên liệu, tình hình thu mua, tiêu thụ hàng nông sản của nhà máy còn hạn chế, không tác động cho việc mở rộng vùng nguyên liệu, cũng như đáp ứng tình hình tiêu thụ lượng nông sản lớn của người sản xuất trong tỉnh.

Tổng diện tích cây lâu năm hiện có, toàn tỉnh ước 122.051 ha, giảm chút ít - 0,35% (-431 ha) so cùng kỳ, cụ thể một số cây trồng chính:

*Cây xoài:* ước thực hiện 2.477 ha, chiếm 17,44% trong nhóm các loại quả nhiệt đới, cận nhiệt đới, giảm 0,28% (-7 ha) so với cùng kỳ năm trước. Diện tích xoài những năm gần đây vẫn trong tình trạng ổn định do giá cả và tình hình tiêu thụ sản phẩm vẫn ổn định, nhưng trong những tháng đầu năm nay giá giảm mạnh; mặt khác do ảnh hưởng bởi dịch bệnh gây hại trên cây trồng đã ảnh hưởng đến năng suất, nên diện tích không được mở rộng.

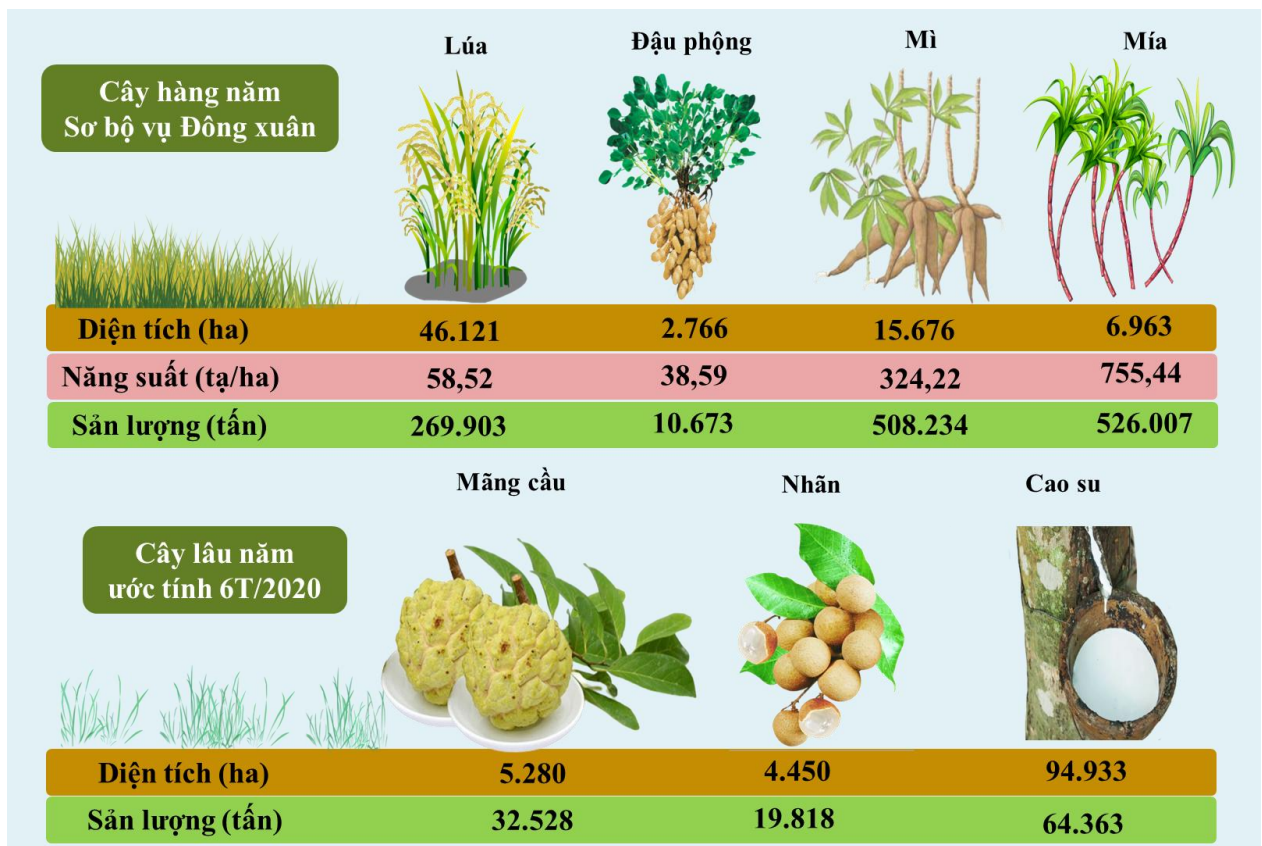
*Cây na (mãng cầu):* ước thực hiện 5.280 ha, chiếm 37,17% trong nhóm các loại quả nhiệt đới, cận nhiệt đới, tăng 3,53% (+180 ha) so với cùng kỳ năm 2019. Những năm gần đây, cây cao su hiệu quả đạt thấp nên đã thanh lý dần và chuyển sang trồng cây măng cầu. Diện tích măng cầu được trồng tập trung chủ yếu ở các huyện có điều kiện thổ nhưỡng phù hợp cho phát triển cây măng cầu như: Thành phố Tây Ninh, huyện Tân Châu và Dương Minh Châu. Cây măng cầu ở Tây Ninh đã có chỉ dẫn địa lý và được hướng dẫn thực hiện canh tác theo mô hình VietGAP

có ưu thế để duy trì và phát triển cả về diện tích và sản lượng, góp phần đáng kể vào việc tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của tỉnh.

**Cây nhãn:** ước tổng diện tích khoảng 4.450ha (+15,79%), trồng tập trung nhiều ở các huyện Dương Minh Châu, Gò Dầu, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng và Thành phố Tây Ninh. Do giá cả và tình hình tiêu thụ ổn định, hiệu quả kinh tế mang lại tương đối khá nên diện tích hiện có đã tăng khá so với cùng kỳ. So với nhiều loại cây trồng khác, cây nhãn thuộc loại cây dễ trồng, dễ chăm sóc, chi phí đầu tư không nhiều, mặt khác, cây nhãn có thể cho ra quả trái vụ nên thu được lợi nhuận cao. Cây nhãn là một trong những cây cho hiệu quả kinh tế, do vậy, hiện nay diện tích nhãn đang phát triển nhanh trên diện tích đất trồng lúa hiệu quả thấp ở một số huyện, thị xã, thành phố.

**Cây cao su:** ước thực hiện 94.933 ha, chiếm 77,50% trong tổng diện tích cây lâu năm thực hiện toàn tỉnh, bằng 96,49% (-3.456 ha) so cùng kỳ. Trong kỳ, giá mủ cao su vẫn tiếp tục ở mức thấp, nên lợi nhuận mang lại không đáng kể, do vậy nhiều diện tích đã thanh lý để chuyển sang trồng các loại cây khác. Diện tích cây cao su hiện có vẫn được duy trì, chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp Nhà nước sản xuất theo kế hoạch, nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh. Diện tích cao su hiện nay trên địa bàn vẫn còn vượt mức quy hoạch chung của tỉnh nên trong thời gian tới diện tích có thể tiếp tục giảm kể cả các doanh nghiệp Nhà nước.

**Hình 3:** Diện tích năng suất sản lượng một số cây trồng chủ yếu



### 3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm tăng 5,46%, đây là chỉ số thấp nhất so với 6 tháng các năm gần đây<sup>1</sup>, trong đó các nhóm ngành có chỉ số tăng giảm như sau:

+ Nhóm ngành khai khoáng giảm 9,9% do chủ trương thắt chặt tình trạng khai thác tài nguyên khoáng sản của UBND tỉnh từ đầu tháng 4/2019 đến nay vẫn chưa được phép khai thác trở lại. Vì vậy hầu như các doanh nghiệp khai thác cát, đá trên địa bàn tỉnh đang tạm ngừng sản xuất chờ được cấp phép khai thác lại.

+ Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,2% tập trung ở các ngành: công nghiệp dệt tăng 15,99%; chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 5,59%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng cao (tăng 118,73%) do nhu cầu sử dụng tăng cao vì dịch bệnh; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 6,31%; sản xuất kim loại tăng 41,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 23,57%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 29,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 54,39%.

+ Nhóm ngành công nghiệp điện, nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, tái chế phế liệu cũng tăng mạnh so cùng kỳ trong đó sản xuất, truyền tải và phân phối điện tăng 110,98% do có bổ sung thêm năng lực mới; hoạt động cung cấp nước tăng 7,18%; thoát nước và xử lý nước thải tăng 7,7%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu lại giảm 12,11% (vì doanh nghiệp không nhập khẩu được phế liệu để sản xuất nên tạm ngừng sản xuất từ tháng 2/2020)

Nhìn chung, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ chỉ tăng ở mức thấp, nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh, bên cạnh những doanh nghiệp có khối lượng sản xuất tăng thì không ít doanh nghiệp tình hình sản xuất lại sụt giảm đáng kể, mỗi doanh nghiệp trong từng ngành đứng trước những khó khăn khác nhau nhưng tựu chung lại do một số nguyên nhân như sau:

(1) Dịch covid diễn ra thời gian dài làm ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ vì hầu hết các nước sử dụng biện pháp cách ly xã hội để kiểm soát dịch bệnh.

(2) Do cửa khẩu của nhiều quốc gia tạm đóng cửa để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh nên doanh nghiệp không nhập được nguyên liệu dẫn đến thiếu nguyên liệu sản xuất cũng như không xuất khẩu được hàng hóa, khách hàng cắt giảm hoặc hủy đơn hàng đã đặt từ các tháng trước đó hoặc đơn hàng đã làm xong

---

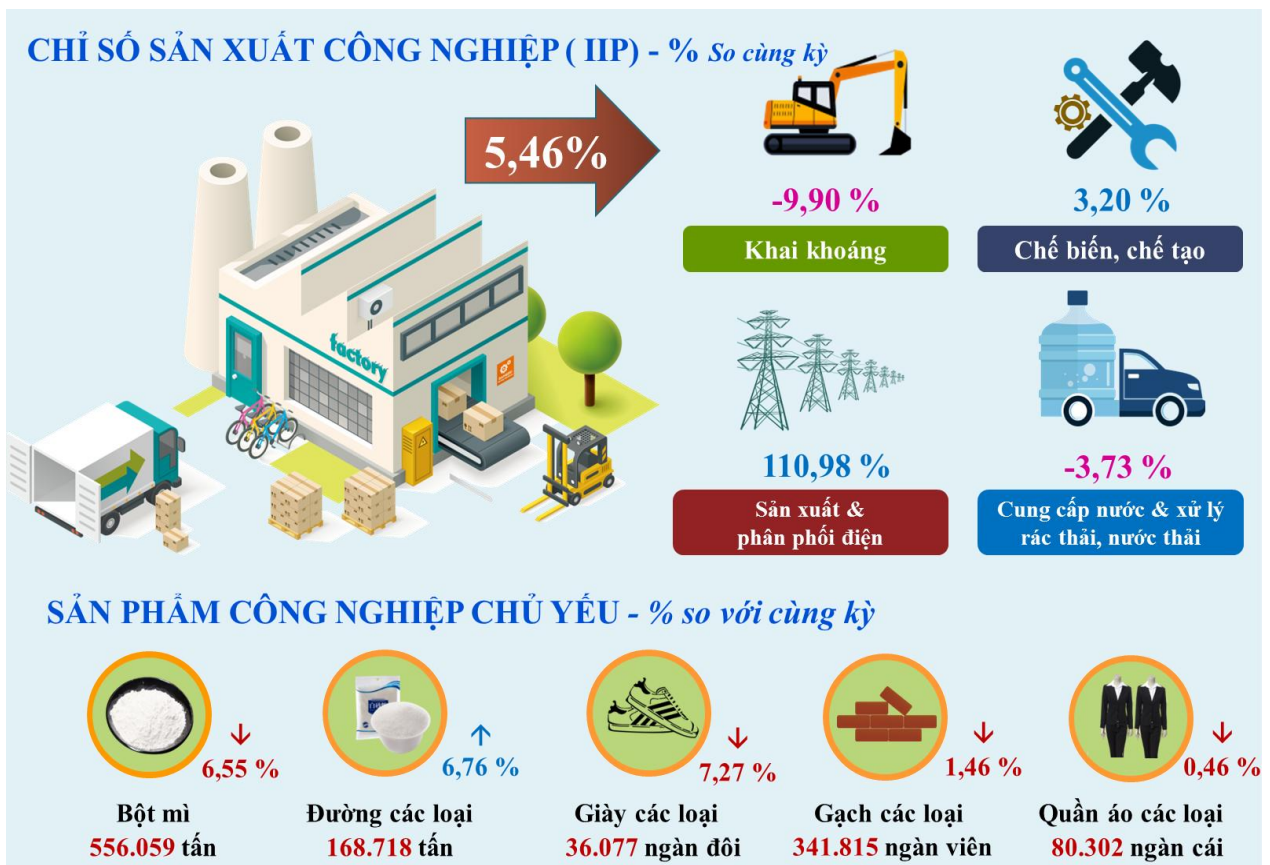
<sup>1</sup> Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng năm 2017 (+15,03%); 6 tháng 2018 (+15,27%); 6 tháng 2019 (+15,79%).

nhưng khách hàng từ chối không nhận hàng nên doanh nghiệp phải cắt giảm sản lượng sản xuất vì không đủ kho chứa sản phẩm tồn kho.

(3) Hàng hóa không xuất được, không có doanh thu trong khi vẫn phải duy trì các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là chi phí tiền lương, để giải quyết khó khăn này nhiều doanh nghiệp đã tạm ngừng sản xuất, cho người lao động nghỉ việc đến khi có đơn hàng thì trong thời gian ngắn không thể tuyển dụng được lao động theo yêu cầu, đây cũng là yếu tố làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh:* 6 tháng đầu năm, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, có một số sản phẩm tăng cũng có một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Đường các loại ước đạt 168 nghìn tấn, (+6,76%); vôi, ruột xe các loại 36.487 nghìn đôi, (+4,02%); Xi măng 621 nghìn tấn, (+1,47%); Clanhke Poolan 316 nghìn tấn (+17,03%); điện thương phẩm 2.241 triệu Kw (+15,21%); điện sản xuất 603,2 triệu Kw (+294,92%); nước máy sản xuất 5.526 nghìn tấn (+7,11%) so cùng kỳ... Bên cạnh đó cũng có sản phẩm duy trì bằng hoặc đạt thấp hơn so cùng kỳ năm 2019 như: Giày các loại 36.077 nghìn đôi (-7,27%); Quần áo các loại 80.302 nghìn cái (-0,46%); Bột mì 556 nghìn tấn giảm (-6,55%) và gạch các loại 341.815 nghìn viên (-1,46%) ...

**Hình 4:** Một số chỉ tiêu ngành công nghiệp





#### 4. Vốn đầu tư phát triển

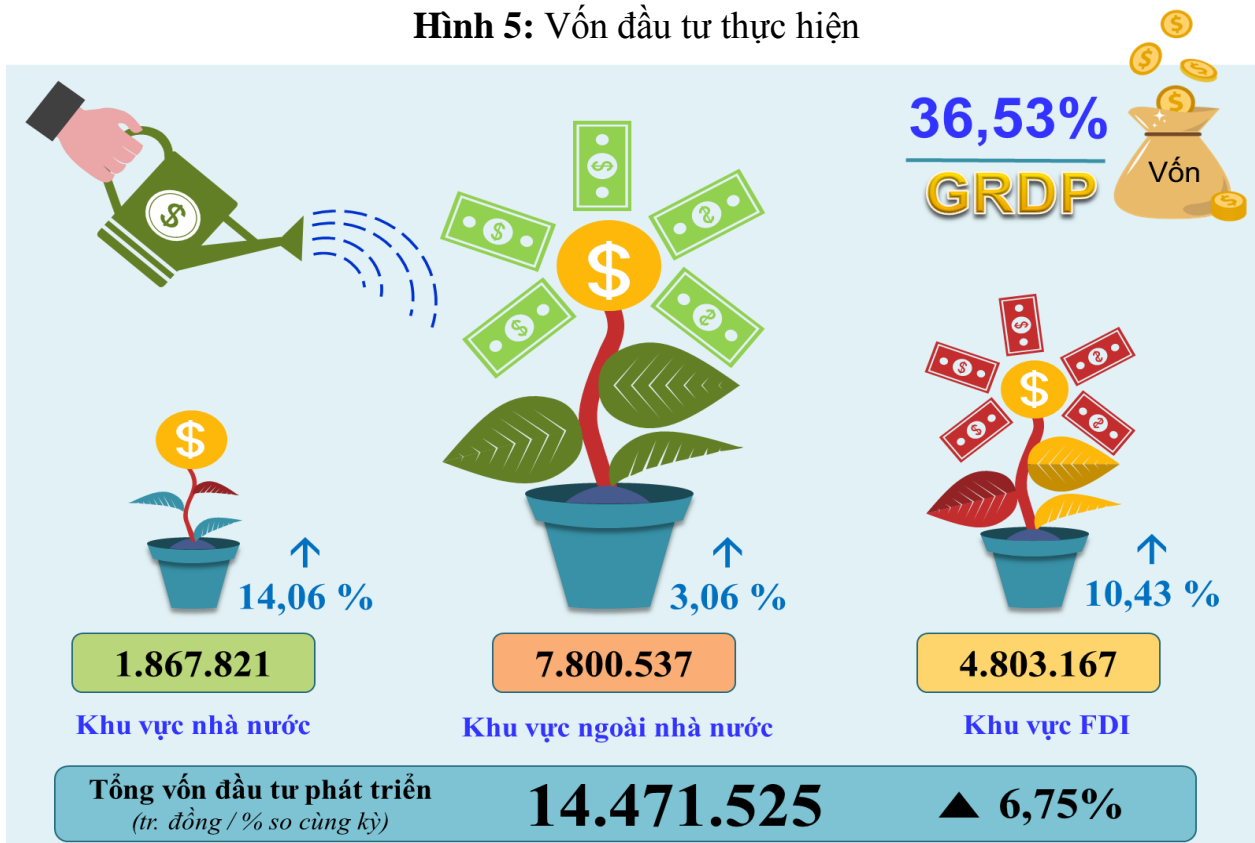
6 tháng đầu năm vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 14.471 tỷ đồng, tăng 6,75% so cùng kỳ<sup>2</sup>. Cụ thể, từng khu vực:

- *Khu vực Nhà nước*: đạt 1.867,82 tỷ đồng (gồm cả Ngân sách trung ương trên địa bàn) tăng 14,06%; Vốn trái phiếu chính phủ đạt 87,1 tỷ bằng 56,62% cùng kỳ; Riêng vốn tự có của các doanh nghiệp nhà nước ước đạt 49,6 tỷ đồng, cũng tăng 83,91% và vốn huy động khác đạt 285 tỷ tăng 25% so với cùng kỳ

- *Khu vực ngoài nhà nước*: ước 6T/2020 thực hiện đầu tư 8.085 tỷ đồng, Trong đó vốn đầu tư của dân cư và các tổ chức doanh nghiệp ngoài nhà nước ước đạt 7.800 tỷ đồng, tăng 3,06%; vốn đầu tư từ nguồn huy động khác 6 tháng ước đạt 285 tỷ đồng, cũng tăng 25,0% so cùng kỳ năm 2019.

- *Khu vực đầu tư nước ngoài*: ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 đạt 4.803 tỷ đồng tăng 10,43% so cùng kỳ năm 2019.

**Hình 5: Vốn đầu tư thực hiện**



#### 5. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng

##### a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm cho hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá của tỉnh tính chung 6 tháng đầu năm 2020 đạt 30.031 tỷ, chỉ tăng

<sup>2</sup> Trong đó Quý I/2020 đầu tư 6.809 tỷ tăng (+12,97%); Quý II/2020 đầu tư 7.861 tỷ tăng (+1,78%) so cùng kỳ.

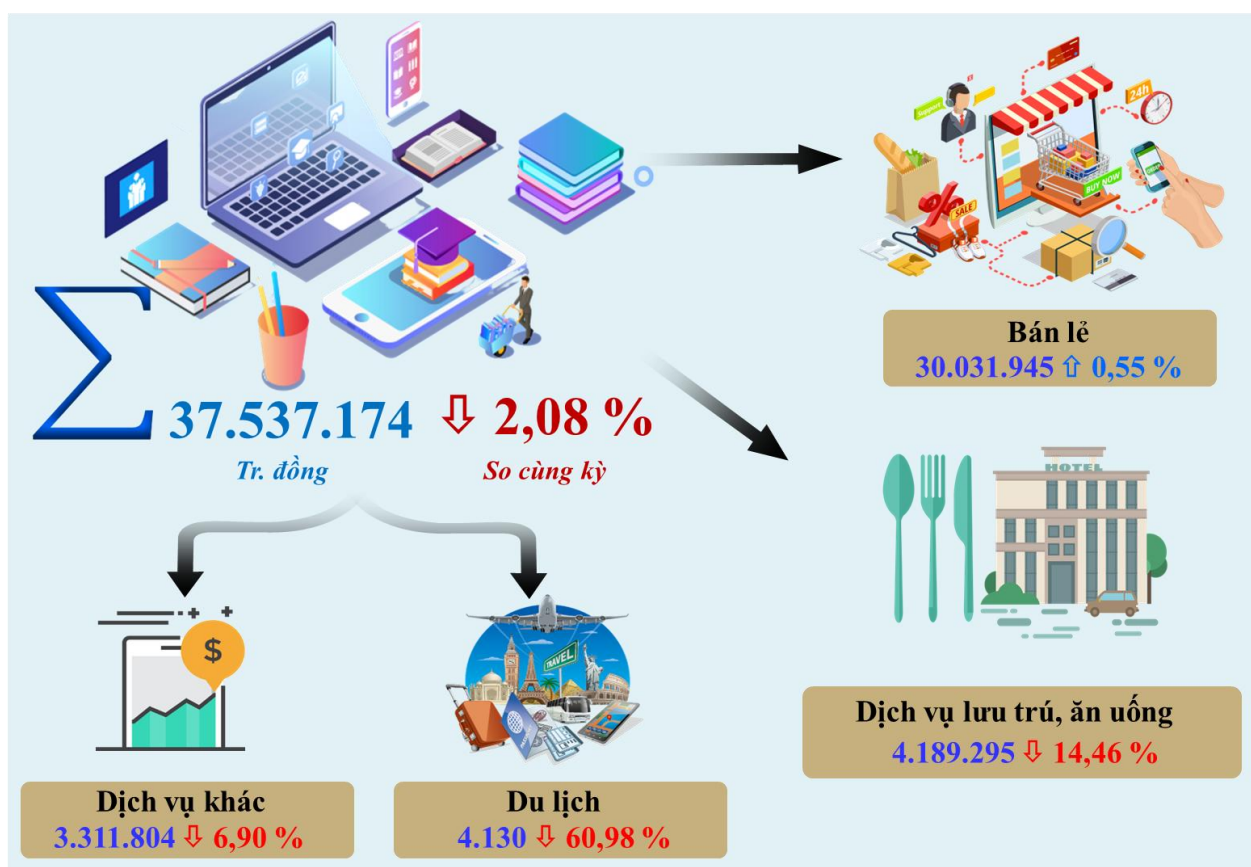
(+0,55%) so cùng kỳ năm trước, tập trung ở một số nhóm mặt hàng thiết yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất như: lương thực, thực phẩm đạt 11.239 tỷ tăng 1,89%; gỗ và vật liệu xây dựng đạt 3.181 tỷ tăng 0,71%; xăng dầu các loại 3.928 tỷ tăng 3,26%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm 4.261 tỷ tăng 1,24%. Các ngành còn lại đều giảm so cùng kỳ.

*b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:*

6 tháng đầu năm, doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 7.505 tỷ đồng giảm 11,34% so cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm tỷ trọng cao nhất 4.189 tỷ đồng giảm 14,46%, % và dịch vụ khác đạt 3.312 tỷ đồng giảm 6,90% và du lịch lữ hành chỉ đạt 4,13 tỷ đồng giảm nhiều chỉ bằng 39,02% so cùng kỳ.

Nhìn chung hoạt động dịch vụ, lưu trú ăn uống và du lịch lữ hành 6 tháng đầu năm 2020 đều giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2019, do ảnh hưởng tác động của dịch Covid-19, người dân bị giãn cách xã hội hạn chế đi lại, các hoạt động như: các khu vui chơi giải trí, khu du lịch bị tạm dừng hoạt động nên ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của các cơ sở lưu trú. theo đó nhiều nhà hàng, quán ăn, bị tạm dừng hoạt động gần 01 tháng, vì vậy mà doanh thu dịch vụ ăn uống giảm mạnh so cùng kỳ năm trước.... Hoạt động kinh doanh xỏ số của tỉnh gần 01 tháng ngừng phát hành làm giảm gần 7% so với cùng kỳ.....

**Hình 6:** Một số chỉ tiêu thương mại dịch vụ



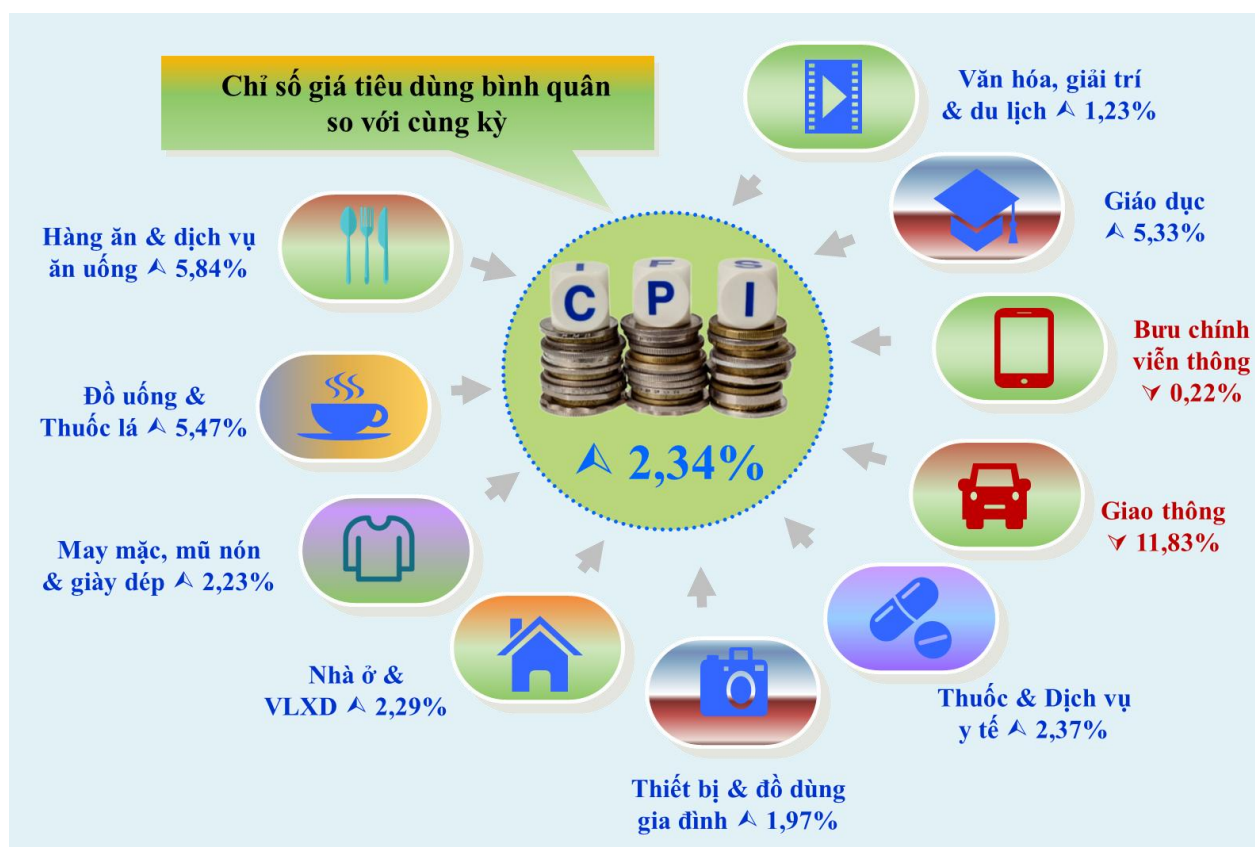
## 6. Giá cả thị trường

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 năm 2020 tăng 1,23% so với tháng trước; tăng 1,86% so với cùng kỳ và giảm 1,85% so với tháng 12 năm trước; Bình quân 6 tháng đầu năm so bình quân cùng kỳ năm 2019 CPI tăng 2,34%.

Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, có 9 nhóm tăng, mức tăng như sau: hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,84%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,47%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 2,23%; nhà ở và VLXD tăng 2,29%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,97%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,37%; giáo dục tăng 5,33%; văn hóa giải trí và du lịch tăng 1,23; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,14%; riêng nhóm ngành giao thông giảm 11,83%; bưu chính viễn thông giảm 0,22%.

**Giá vàng và giá Đô la Mỹ:** Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Giá vàng bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng đến 24,11% so với cùng kỳ; Chỉ số giá USD tăng 0,35% so với cùng kỳ.

**Hình 7:** Chỉ số giá tiêu dùng



## 7. Giao thông vận tải:

Cùng với các ngành hoạt động dịch vụ, hoạt động giao thông vận tải là một trong những ngành chịu tác động và ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhiều, nhất là

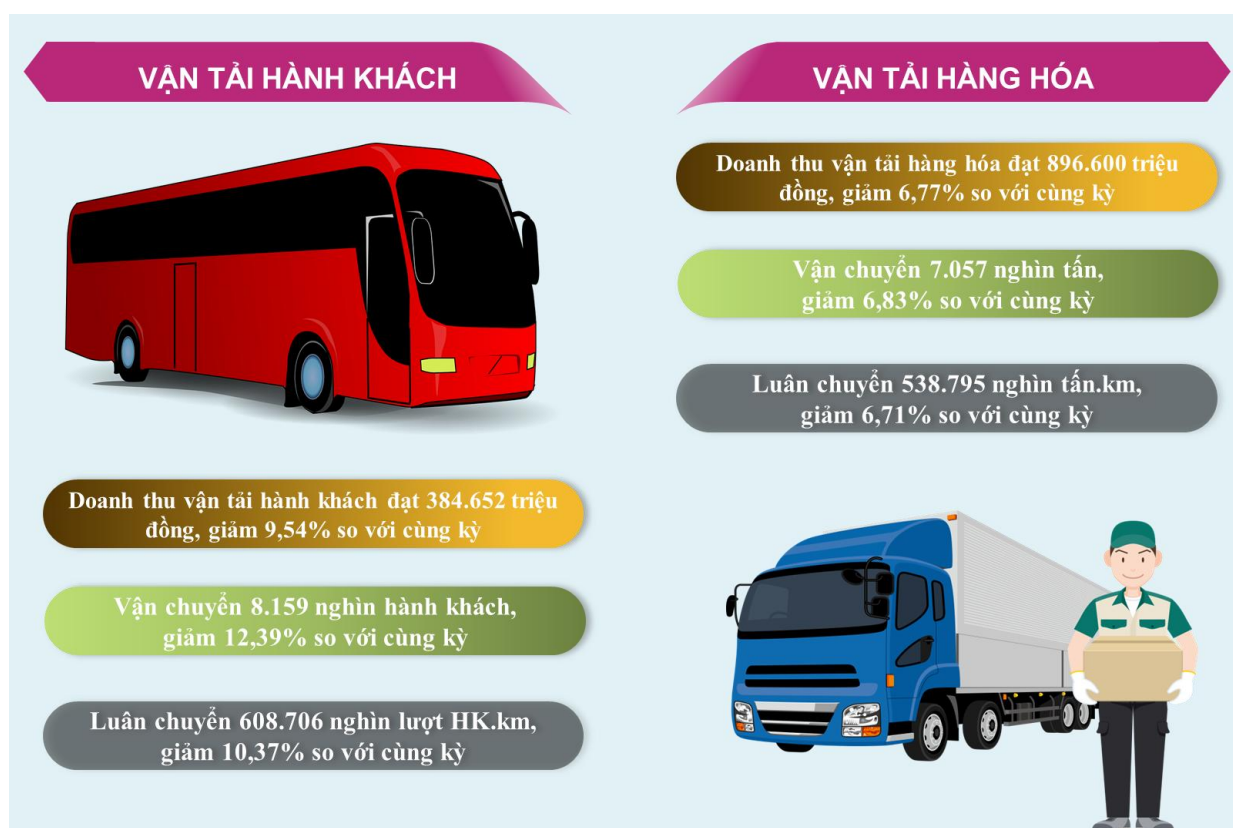
trong giai đoạn thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội. Doanh thu, khối lượng vận chuyển, luân chuyển hành khách và hàng hoá 6 tháng đầu năm đều giảm,

Ước tính doanh thu 6 tháng đạt 1.308 tỷ đồng giảm 7,55%, so cùng kỳ, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 384,65 tỷ đồng giảm 9,54%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 896,6 tỷ đồng giảm 6,77% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 27,57 tỷ đồng giảm 4,43% so cùng kỳ.

Khối lượng vận tải hành khách, vận tải hành khách trên địa bàn đạt 8.159 nghìn lượt khách, giảm 12,39% và luân chuyển được 608.706 nghìn lượt khách.km, cũng giảm 10,37% so cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa 6 tháng ước đạt khối lượng 7.057 nghìn tấn, giảm 6,83% và luân chuyển được 538.795 nghìn tấn.km, giảm (-16,71%) so cùng kỳ.

**Hình 8 : Một số chỉ tiêu ngành vận tải**



**CỤC THỐNG KÊ TỈNH TÂY NINH**